

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Số: 267/2015/CV-CK-SGW.FI

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

*V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ quý 2 năm 2015*

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ tại thời điểm Quý 2 năm 2015 và Quý 2 năm 2014 như sau:

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đạt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2014	Quý 2 năm 2015	Đơn vị tính: đồng
			Tăng (+) giảm (-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.320.661.468	2.354.648.167	(1.966.013.301)

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2015 giảm 45,5% so với quý 2 năm 2014 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong quý 2 năm 2015 không có phát sinh các hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch như trong quý 2 năm 2014 dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ lỗ 11.962.309 đồng.
- Trong quý 2 năm 2015 phần lớn nguồn tiền của công ty mẹ đã được đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành hạ tầng nước nên khoản lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính quý 2 năm 2015 giảm 1.193.837.702 đồng so với quý 2 năm 2014.
- Ngoài các yếu tố trên, trong quý 2 năm 2015 công ty vay vốn ngân hàng để đầu tư góp vốn vào công ty con nên chi phí hoạt động tài chính quý 2 năm 2015 tăng 480.000.000 đồng so với quý 2 năm 2014.

Trên đây là các nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng báo cáo!

*Nơi nhận:*  
+ Như trên  
+ Lưu



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÍ 2 NĂM 2015**

---

Tháng 08 năm 2015

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 23

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015**

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>386.959.324.617</b>	<b>412.248.207.570</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.636.673.453</b>	<b>128.800.461.557</b>
1. Tiền	111		4.886.673.453	101.000.461.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	27.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>378.981.807.430</b>	<b>282.115.660.876</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5.457.952.402	5.557.952.402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		834.614.075	770.923.759
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		95.918.080.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2	276.940.367.188	276.055.990.950
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(169.206.235)	(269.206.235)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>1.310.062.733</b>	<b>411.083.137</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.310.062.733	411.083.137
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.030.781.001</b>	<b>921.002.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.845.909	29.761.913
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.017.935.092	862.844.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.4	-	28.395.427
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>446.043.344.429</b>	<b>359.764.694.838</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>46.130.656.175</b>	<b>33.230.656.175</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	46.130.656.175	33.230.656.175
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>714.600.272</b>	<b>883.468.256</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	714.600.272	883.468.256
- Nguyên giá	222		1.996.415.825	1.996.415.825
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.281.815.553)	(1.112.947.569)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7</b>	<b>398.729.139.000</b>	<b>324.908.839.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		150.962.700.000	149.862.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		53.184.244.000	31.748.744.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		194.582.195.000	143.297.395.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>468.948.982</b>	<b>741.731.407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	468.948.982	741.731.407
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>833.002.669.046</b>	<b>772.012.902.408</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.135.174.820</b>	<b>2.029.474.514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.135.174.820</b>	<b>2.029.474.514</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		71.076.490	178.118.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	221.100.980	243.699.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	43.484.085	41.392
4. Phải trả người lao động	314		648.669.000	638.874.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59.505.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	937.226.500	850.289.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	60.000.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		154.112.765	118.451.765
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>770.867.494.226</b>	<b>769.983.427.894</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>770.867.494.226</b>	<b>769.983.427.894</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		583.700.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.342.139.270	1.667.578.270
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.902.320.956	64.692.815.624
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.343.693.624	64.692.815.624
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.558.627.332	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>833.002.669.046</b>	<b>772.012.902.408</b>



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2015

Bùi Quốc Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý 2 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	119.010.000	583.625.905	465.173.409	2.624.788.069
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.010.000	583.625.905	465.173.409	2.624.788.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	130.972.309	466.761.091	286.509.768	1.924.180.042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(11.962.309)	116.864.814	178.663.641	700.608.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.342.116.275	7.535.953.977	8.101.475.267	11.247.864.820
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	480.000.000	-	482.568.838	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		480.000.000	-	480.000.000	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.495.505.799	3.429.072.623	6.239.298.418	6.433.302.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.354.648.167	4.223.746.168	1.558.271.652	5.515.170.535
11. Thu nhập khác	31		-	96.915.300	20.500.000	96.915.300
12. Chi phí khác	32		-	-	20.144.320	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	96.915.300	355.680	96.915.300
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.354.648.167	4.320.661.468	1.558.627.332	5.612.085.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.354.648.167	4.320.661.468	1.558.627.332	5.612.085.835
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.5	40	74	27	96
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2015

Bùi Quốc Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	589.092.690	1.995.497.800	589.092.690	3.709.902.180
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5.198.837.549)	(1.826.540.279)	(6.078.322.867)	(2.979.069.223)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.587.958.000)	(1.664.448.000)	(4.446.782.700)	(3.715.150.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(480.000.000)	-	(480.000.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	300.577.700	3.023.083.815	920.101.075	514.433.979
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(516.810.534)	(1.257.728.629)	(1.562.593.376)	(2.261.951.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.893.935.693)</b>	<b>269.864.707</b>	<b>(11.058.505.178)</b>	<b>(4.731.834.916)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng, TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	28.578.000	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(166.364.380.000)	(367.777.671)	(166.364.380.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.900.000.000)	(4.696.000.000)	(12.900.000.000)	(6.271.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.956.677.032	1.398.756.744	7.159.097.074	7.759.910.576
<b>lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(173.279.124.968)</b>	<b>(3.665.020.927)</b>	<b>(172.105.282.926)</b>	<b>1.488.910.576</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
3. Tiền thu từ đi vay	33	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(120.173.060.661)</b>	<b>(3.395.156.220)</b>	<b>(123.163.788.104)</b>	<b>(3.242.924.340)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	125.809.734.114	193.194.852.567	128.800.461.557	193.042.620.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.636.673.453	189.799.696.347	5.636.673.453	189.799.696.347



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2015

Bùi Quốc Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 7, tòa nhà 60 NDC, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải. Bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 05 công ty con và 02 công ty liên kết cụ thể:

**Thông tin về công ty con**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (*)	Tỉnh Gia Lai	59,08%	55%	Xây dựng công trình kỹ thuật trong lĩnh vực hạ tầng cấp thoát nước, khai thác, xử lý và cung cấp nước. Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động liên quan đến dịch vụ quản lý và giám sát thoát nước. Thi công xây dựng, sửa chữa các đường ống cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á (**)	Hồ Chí Minh	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Củ Chi (***)	Hồ Chí Minh	99,98%	99,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(\* ) Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku đang trong giai đoạn góp vốn điều lệ.

(\*\*) Công ty Cổ Phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á đang trong giai đoạn góp vốn điều lệ.

(\*\*\*) Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Củ Chi đang trong giai đoạn góp vốn điều lệ.

**Thông tin về công ty liên kết**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Long An	Long An	25,77%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai.
Công ty Cổ phần Cấp Nước Tân Hòa	Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ một năm trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Phương tiện vận tải	<u>Số năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10
	03 - 05

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**8. Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 02 đến 03 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu, hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

**10. Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư các dự án mà công ty đang đầu tư. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**13. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	117.348.462	486.151
Tiền gửi ngân hàng	4.769.324.991	100.999.975.406
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	27.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.636.673.453</b>	<b>128.800.461.557</b>

(\*): Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	273.843.371.341	272.901.615.650
Công ty CP đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (*)	272.670.714.696	272.670.714.696
Phải thu đối tượng khác	1.172.656.645	230.900.954
<b>Tạm ứng</b>	<b>2.296.995.847</b>	<b>2.354.375.300</b>
<b>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>276.940.367.188</b>	<b>276.055.990.950</b>

(\*) Số dư phải thu khác Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, bao gồm:

- Phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside cho CII là 257.115.114.974 đồng; được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 08 năm 2013.

- Phải thu từ việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và quyền góp vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận cho CII là 15.555.599.722 đồng; được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT-2013 ngày 04 tháng 07 năm 2013.

**3. Hàng tồn kho**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.213.147.433	314.167.837
Hàng hóa tồn kho	96.915.300	96.915.300
<b>Cộng</b>	<b>1.310.062.733</b>	<b>411.083.137</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	28.395.427
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.395.427</b>

**5. Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn</b>		
- Đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp	45.757.351.111	32.857.351.111
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	373.305.064	373.305.064
<b>Cộng</b>	<b>46.130.656.175</b>	<b>33.230.656.175</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.966.415.825	30.000.000	1.996.415.825
Tại ngày 30/06/2015	<b>1.966.415.825</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.996.415.825</b>
<b>KHẤU HAO</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.089.614.241	23.333.328	1.112.947.569
Trích khấu hao trong năm	163.867.986	4.999.998	168.867.984
Tại ngày 30/06/2015	<b>1.253.482.227</b>	<b>28.333.326</b>	<b>1.281.815.553</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	876.801.584	6.666.672	883.468.256
Tại ngày 30/06/2015	<b>712.933.598</b>	<b>1.666.674</b>	<b>714.600.272</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>a - Đầu tư vào công ty con</b>		<b>150.962.700.000</b>		<b>149.862.700.000</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	105.000.000.000	9.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku	4.331.270	43.312.700.000	4.231.270	42.312.700.000
Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Củ Chi	10.000	100.000.000	-	-
<b>b - Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>53.184.244.000</b>		<b>31.748.744.000</b>
Công ty CP Cấp Thoát nước Long An	3.143.440	31.748.744.000	3.143.440	31.748.744.000
Công ty CP Cấp Nước Tân Hòa	1.432.900	21.435.500.000	1.432.900	21.435.500.000
<b>c - Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>194.582.195.000</b>		<b>143.297.395.000</b>
<b>- Đầu tư cổ phiếu:</b>		<b>194.438.195.000</b>		<b>143.153.395.000</b>
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	409.114	143.153.395.000
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ	3.374.000	51.284.800.000	-	-
<b>- Chi phí đầu tư dự án khác:</b>		<b>144.000.000</b>		<b>144.000.000</b>
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>398.729.139.000</b>		<b>324.908.839.000</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	468.948.982	741.731.407
<b>Cộng</b>	<b>468.948.982</b>	<b>741.731.407</b>

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn - Pleiku	221.100.980	243.699.040
<b>Cộng</b>	<b>221.100.980</b>	<b>243.699.040</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	41.392
Thuế thu nhập cá nhân	43.442.693	-
<b>Cộng</b>	<b>43.484.085</b>	<b>41.392</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	86.937.500	-
Cổ tức phải trả	16.500.000	16.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
<b>Cộng</b>	<b>937.226.500</b>	<b>850.289.000</b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển TP.HCM	60.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>

Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển TP.HCM tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn được sử dụng với mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty CP kỹ Thuật Enviro theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/15-HTĐT-SGW ngày 20/05/2015. Trị giá khoản vay là 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất vay là 9%/năm cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường của khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm, nợ gốc được hoàn trả cuối kỳ, tiền lãi được trả định kỳ mỗi tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền mua 409.114 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng) của Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 3.143.440 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng) của Công ty CP Cấp Thoát Nước Long An.

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	583.700.000.000	119.923.034.000	1.667.578.270	56.481.742.184	761.772.354.454
Lợi nhuận trong năm				8.211.073.440	8.211.073.440
Số dư tại ngày 01/01/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	1.667.578.270	64.692.815.624	769.983.427.894
Tăng vốn trong năm	-	-			-
Trích quỹ đầu tư phát triển			674.561.000	(674.561.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(674.561.000)	(674.561.000)
Lợi nhuận trong năm				1.558.627.332	1.558.627.332
Số dư tại ngày 30/06/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	2.342.139.270	64.902.320.956	770.867.494.226

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	58.370.000	58.370.000
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.370.000	58.370.000
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	119.010.000	583.625.905	465.173.409	2.624.788.069
<b>Cộng</b>	<b>119.010.000</b>	<b>583.625.905</b>	<b>465.173.409</b>	<b>2.624.788.069</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	130.972.309	466.761.091	286.509.768	1.924.180.042
<b>Cộng</b>	<b>130.972.309</b>	<b>466.761.091</b>	<b>286.509.768</b>	<b>1.924.180.042</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.717.677.427	3.853.927.977	3.477.036.419	7.565.838.820
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.624.438.848	3.682.026.000	4.624.438.848	3.682.026.000
<b>Cộng</b>	<b>6.342.116.275</b>	<b>7.535.953.977</b>	<b>8.101.475.267</b>	<b>11.247.864.820</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Chi hoạt động tài chính**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	480.000.000	-	480.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá từ khai hàng nhập khẩu	-	-	2.568.838	-
<b>Cộng</b>	<b>480.000.000</b>	<b>-</b>	<b>482.568.838</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ trước thuế	2.354.648.167	4.320.661.468	1.558.627.332	5.612.085.835
- Chuyển lỗ từ các năm trước	-	638.635.468	-	1.930.059.835
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.354.648.167</b>	<b>3.682.026.000</b>	<b>1.558.627.332</b>	<b>3.682.026.000</b>
Thu nhập miễn thuế	4.624.438.848	3.682.026.000	4.624.438.848	3.682.026.000
Số lỗ chuyển kỳ này	-	-	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(2.269.790.681)</b>	<b>-</b>	<b>(3.065.811.516)</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	22%	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*): Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế TNDN được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20% và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ là 20%.

**Chi tiết lỗ lũy kế còn được chuyển**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Năm chuyển lỗ		
2012	(16.169.297.153)	(16.169.297.153)
<b>Cộng:</b>	<b>(16.169.297.153)</b>	<b>(16.169.297.153)</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 16.169.297.153 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015: 16.169.297.153 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại đã nêu trên vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.354.648.167	4.320.661.468	1.558.627.332	5.612.085.835
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	58.370.000	58.370.000	58.370.000	58.370.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>40</b>	<b>74</b>	<b>27</b>	<b>96</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	60.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.636.673.453	128.800.461.557
Nợ thuần	54.363.326.547	-
Vốn chủ sở hữu	583.700.000.000	583.700.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	9%	0%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	5.636.673.453	128.800.461.557
Phải thu khách hàng	5.288.746.167	5.288.746.167
Phải thu khác	276.940.367.188	276.055.990.950
Đầu tư tài chính dài hạn	398.729.139.000	324.908.839.000
Các khoản ký quỹ	46.930.656.175	34.030.656.175
<b>Tổng Cộng</b>	<b>733.525.581.983</b>	<b>769.084.693.849</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	71.076.490	178.118.362
Phải trả khác	937.226.500	850.289.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.008.302.990</b>	<b>1.028.407.362</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Trong kỳ, Công ty không thực hiện giao dịch nào có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác (gọi chung là “đầu tư tài chính dài hạn”). Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư tài chính dài hạn như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015:**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015:</b>				
Tiền và tương đương tiền	5.636.673.453	-	-	5.636.673.453
Phải thu khách hàng	5.288.746.167	-	-	5.288.746.167
Phải thu khác	276.940.367.188	-	-	276.940.367.188
Đầu tư tài chính dài hạn	-	398.729.139.000	-	398.729.139.000
Các khoản ký quỹ	46.930.656.175	-	-	46.930.656.175
<b>Tổng Cộng</b>	<b>334.796.442.983</b>	<b>398.729.139.000</b>	<b>-</b>	<b>733.525.581.983</b>
Phải trả người bán	71.076.490	-	-	71.076.490
Phải trả khác	937.226.500	-	-	937.226.500
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.008.302.990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.008.302.990</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>333.788.139.993</b>	<b>398.729.139.000</b>	<b>-</b>	<b>732.517.278.993</b>

**Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015:**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 :</b>				
Tiền và tương đương tiền	128.800.461.557	-	-	128.800.461.557
Phải thu khách hàng	5.288.746.167	-	-	5.288.746.167
Phải thu khác	276.055.990.950	-	-	276.055.990.950
Đầu tư tài chính dài hạn	-	324.908.839.000	-	324.908.839.000
Các khoản ký quỹ	34.030.656.175	-	-	34.030.656.175
<b>Tổng Cộng</b>	<b>444.175.854.849</b>	<b>324.908.839.000</b>	<b>-</b>	<b>769.084.693.849</b>
Phải trả người bán	178.118.362	-	-	178.118.362
Phải trả khác	850.289.000	-	-	850.289.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.028.407.362</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.028.407.362</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>443.147.447.487</b>	<b>324.908.839.000</b>	<b>-</b>	<b>768.056.286.487</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**2. Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.

Bộ phận đầu tư tài chính : Hoạt động tài chính.

	Tư vấn, thi công Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Đầu tư tài chính Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Tổng cộng Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	465.173.409	-	465.173.409
Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính	-	8.101.475.267	8.101.475.267
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>465.173.409</b>	<b>8.101.475.267</b>	<b>8.566.648.676</b>
<b>Chi phí</b>			
Chi phí giá vốn bộ phận	286.509.768	-	286.509.768
Chi phí hoạt động tài chính	-	482.568.838	482.568.838
<b>Tổng chi phí</b>	<b>286.509.768</b>	<b>482.568.838</b>	<b>769.078.606</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>178.663.641</b>	<b>7.618.906.429</b>	<b>7.797.570.070</b>
Chi phí bán hàng			-
Chi phí quản lý doanh nghiệp			6.239.298.418
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			<b>1.558.271.652</b>
Thu nhập khác			20.500.000
Chi phí khác			20.144.320
<b>Lợi nhuận khác</b>			<b>355.680</b>
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>			<b>1.558.627.332</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Quý 2 năm 2015	Lũy kế từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015
		VND	VND
<b>Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro</b>	Công ty con		
Doanh thu khoản hỗ trợ vốn		845.655.542	951.430.465
<b>Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku</b>	Công ty con		
Doanh thu tư vấn quản lý dự án mở rộng hệ thống cấp nước TP Pleiku		-	346.163.409

**Số dư với các bên liên quan:**

	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Pleiku	Công ty con	137.080.710	-
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	Công ty con	5.288.746.167	5.288.746.167
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	Công ty con	1.167.681.419	216.250.954
Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	Công ty mẹ	272.670.714.696	272.670.714.696
<b>Các khoản phải trả</b>			
Nhận tiền trước từ công ty con - Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn	Công ty con	121.849.520	243.699.040
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>			
		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
		VND	VND
Lương và thưởng		966.076.923	920.769.231

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, được phân loại lại cho phù hợp để so sánh.



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 08 năm 2015

Bùi Quốc Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
Người lập biểu